

Bản án số: 120/2025/HNGĐ-ST

Ngày 23 tháng 12 năm 2025

(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi; Bà Nguyễn Thị Vân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tưởng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 476/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 16/10/1992; CCCD: 033092001649, do Cục trưởng cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 29/4/2021.

HKTT: thôn CĐ, xã HHT, tỉnh Hưng Yên

* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh ngày 02/5/1992; CCCD: 001192001754, do Cục trưởng cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 24/6/2021.

HKTT: Đội 5, thôn AT, xã HS, TP. Hà Nội.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, anh Nguyễn Quang Đ là nguyên đơn trình bày: anh và chị Nguyễn Thị K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, huyện MĐ (nay là xã HS), thành phố Hà Nội năm 2020. Vợ chồng chung sống đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm

được tiếng nói chung, phong tục lối sống của hai vợ chồng cũng quá khác nhau; mặc dù gia đình hai bên đã K nhủ nhiều lần nhưng vẫn không thể hàn gắn được, hai vợ chồng anh cũng sống ly thân đã được gần 2 năm, không ai quan tâm đến ai. Nay anh nhận thấy anh không còn tình cảm gì với chị K nữa, anh không muốn tiếp tục cuộc sống như này nên anh làm đơn xin được ly hôn với chị K để ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: anh và chị K có 01 con chung: Nguyễn Minh C, sinh ngày 20/10/2020. Hiện nay cháu đang ở với chị K. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con chung, nhưng do cháu C hiện còn bé quá, 02 năm ly thân cháu cũng ở với chị K nên để ổn định cho sự phát triển của cháu nên anh đồng ý để chị K là người tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Anh vẫn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của anh.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, anh không yêu cầu toà án giải quyết.

Hiện nay anh đang làm nghề lao động tự do, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng từ 10.000.000đồng.

Anh cương quyết xin ly hôn nên anh đề nghị Toà không tiến hành hoà giải giữa hai vợ chồng anh nữa, đề nghị Toà đưa vụ án ra xét xử. Anh xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc khác của toà án, xin được vắng mặt tại phiên toà xét xử vụ án, đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt anh. Anh từ chối nhận các văn bản tố tụng của toà án, anh chỉ cần toà án gửi cho anh bản án ly hôn cho chị Lê Thị Trang, sinh năm 1997; anh uỷ quyền cho chị Lê Thị Trang nhận Bản án ly hôn thay cho anh. Anh cam kết không khiếu nại, khiếu kiện gì.

Theo biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị K là Bị đơn trình bày: chị và anh Nguyễn Quang Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, huyện MĐ (nay là xã HS), thành phố Hà Nội năm 2020. Vợ chồng chung sống đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân là do anh Đ có quan hệ với người phụ nữ khác về nhà ruồng rẫy vợ con. Sau khi kết hôn, do kinh tế gia đình khó khăn nên anh Đ có nói chuyện về việc đi lao động ở Nhật Bản, chị nhất trí, tuy nhiên trong thời gian lao động bên Nhật Bản, anh Đ có quan hệ với người phụ nữ khác, dẫn người phụ nữ khác về phòng trọ rất nhiều lần, làm ảnh hưởng đến bạn cùng phòng trọ nên giữa anh Đ và bạn cùng phòng trọ xảy ra mâu thuẫn đánh nhau, công an vào cuộc mời công ty của anh Đ đến làm rõ vấn đề thì anh Đ khai người phụ nữ đó là vợ, công ty anh Đ làm việc có gọi điện về xác nhận với chị, khi đó chị mới vỡ lẽ anh Đ ngoại tình, sự việc xảy ra vào tháng 6/2024, anh Đ cũng thừa nhận về việc này với chị. Sau đó, khoảng đến tháng 7/2024 hai vợ

chồng có nói chuyện lại với nhau để thống nhất mỗi tháng anh Đ có trách nhiệm gửi về Việt Nam cho chị số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) để lo việc gia đình và nuôi dạy con cái, nhưng anh Đ chỉ gửi được duy nhất 10.000.000đồng vào tháng 7/2024, các tháng sau đó từ tháng 8/2024 đến tháng 10/2025 anh Đ chỉ gửi cho chị số tiền mỗi tháng là 5.000.000đồng (Năm triệu đồng). Từ tháng 11/2025 đến nay anh Đ không gửi tiền cho chị để nuôi con và lo trang trải gia đình nữa. Gần đây anh Đ có về Việt Nam và gọi điện hẹn gặp chị để nói chuyện nhưng thái độ của anh Đ không tốt và thời gian anh Đ hẹn nói chuyện thì chị bận đi làm, không xin nghỉ được nên anh chị chưa có thời gian nói chuyện với nhau. Nay anh Đ có đơn xin ly hôn, quan điểm chị không còn tình cảm nên cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: chị và anh Đ có 01 con chung: Nguyễn Minh C, sinh ngày 20/10/2020. Hiện nay cháu đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung, và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị số tiền 7.000.000đồng/tháng (Bảy triệu đồng) và bắt đầu từ tháng mà bản án/quyết định của toà án có hiệu lực pháp luật.

Hiện nay con chung đang học mầm non tại trường Hoa Mai ở phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội. Học phí mỗi tháng là 2.000.000đồng/tháng, tiền học thêm tiền tiêu học 1.000.000đồng/tháng, tiền sữa uống 1.000.000đồng/tháng, chi phí ăn uống khác, quần áo, sinh hoạt khác khoảng 3.000.000đồng/tháng, tổng cộng chi phí sinh hoạt 1 tháng của con chung là 7.000.000đồng/tháng. Về tiền học phí và tiền học thêm mỗi tháng chị sẽ nộp cho toà giấy xác nhận sau, còn về chi phí ăn uống, ăn mặc, chi phí sinh hoạt khác thì chị không có giấy xác nhận nộp cho Toà án được.

Hiện nay chị đang làm nhân viên quán ăn, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 15.000.000đồng/tháng (Mười lăm triệu đồng). vì là lao động tự do nên chị không có giấy tờ xác nhận thu nhập nộp cho Toà án.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, chị không yêu cầu toà án giải quyết.

Chị yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh Đ phải thanh toán trả cho chị số tiền anh gửi cho chị còn thiếu (theo thoả thuận trước đó giữa hai anh chị vào tháng 7/2024) trong khoảng thời gian từ tháng 8/2024 đến tháng 11/2025 là 16 tháng x 5.000.000đồng = 80.000.000đồng (tám mươi triệu đồng). Chị có bản sao kê số tiền anh Đ gửi về cho chị từ tháng 7/2024 đến tháng 10/2025, chị sẽ nộp cho Toà án bản sao kê sau. Còn việc thoả thuận mỗi tháng anh Đ gửi về cho chị số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng) như nêu trên là hai vợ chồng chị nói miệng với

nhau thông qua điện thoại chứ không lập giấy tờ gì, cũng không có ai chứng kiến câu chuyện của hai vợ chồng chị nói với nhau.

Tuy nhiên, ngày 08/12/2025 chị K có thay đổi một số nội dung khai như sau: tại biên bản lấy lời khai ngày 02/12/2025 có trong hồ sơ vụ án chị có yêu cầu: yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị số tiền 7.000.000đồng/tháng (Bảy triệu đồng) và bắt đầu từ tháng mà bản án/quyết định của toà án có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, nay chị được biết anh Đ chỉ đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng cho chị số tiền 4.000.000đồng/tháng (bốn triệu đồng), chị cũng nhất trí; Yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh Đ phải thanh toán trả cho chị số tiền anh gửi cho chị còn thiếu (theo thoả thuận trước đó giữa hai anh chị vào tháng 7/2024) trong khoảng thời gian từ tháng 8/2024 đến tháng 11/2025 là 16 tháng x 5.000.000đồng = 80.000.000đồng (tám mươi triệu đồng). Chị có bản sao kê số tiền anh Đ gửi về cho chị từ tháng 7/2024 đến tháng 10/2025. Nay chị xin rút lại yêu cầu này.

Vì chị và anh Đ đều nhất trí ly hôn, anh Đ nhất trí để chị nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000đồng/tháng (bốn triệu đồng), tài sản công nợ chung anh chị không có. Anh chị không còn tranh chấp gì, hiện nay anh Đ cũng đang ở nước Nhật nên chị xin được vắng mặt tại phiên toà xét xử vụ án. Đề nghị Toà án xét xử vắng mặt chị.

** Tại phiên tòa, chị K và anh Đ đều xin vắng mặt.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, các đương sự được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng không hòa giải được vì lý do nguyên đơn đề nghị không tiến hành hoà giải. Nguyên đơn và bị đơn đều xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: ghi nhận anh Đ và chị K thuận tình ly hôn; giao con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị K số tiền 4.000.000đồng, bắt đầu từ tháng bản án có hiệu lực cho đến khi có thay đổi mới hoặc có yêu cầu khác; anh Đ nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ-ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Nguyễn Quang Đ làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Thị K là bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Đội 5, thôn AT, xã HS, thành phố Hà Nội, do đó Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng thẩm quyền.

Anh Đ và chị K đều xin vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Quang Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, huyện MĐ (nay là xã HS), thành phố Hà Nội ngày 28/4/2020 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không thể tìm được tiếng nói chung, đã sống ly thân khoảng 02 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Anh Đ cương quyết xin được ly hôn với chị K; chị K đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Đ và chị K là căng thẳng, có thời gian sống ly thân, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Đ cương quyết xin ly hôn, chị K đồng ý ly hôn nên HĐXX ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị K là phù hợp với quy định của Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh Đ và chị K có 01 con chung: Nguyễn Minh C, sinh ngày 20/10/2020. Chị K có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn, anh Đ nhất trí; chị K và anh Đ thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 4.000.000đồng/tháng (Bốn triệu đồng) nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận này của anh Đ và chị K: sau khi ly hôn giao con chung Nguyễn Minh C cho chị K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị K số tiền 4.000.000đồng/tháng (Bốn triệu đồng), cụ thể vào ngày 10 hàng tháng và bắt đầu từ tháng mà bản án của toà án có hiệu lực pháp luật, cho đến khi có thay đổi mới hoặc có yêu cầu khác.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Anh Đ và chị K đều xác nhận không có, đều không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Đ phải nộp án phí; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự (năm 2015) và căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: ghi nhận anh Nguyễn Quang Đ và chị Nguyễn Thị K thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: anh Nguyễn Quang Đ và chị Nguyễn Thị K có 01 con chung: Nguyễn Minh C, sinh ngày 20/10/2020. Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận này của anh Đ và chị K: sau khi ly hôn giao con chung Nguyễn Minh C cho chị K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị K số tiền 4.000.000đồng/tháng (*Bốn triệu đồng*), cụ thể vào ngày 10 hàng tháng và bắt đầu từ tháng mà bản án của toà án có hiệu lực pháp luật, cho đến khi có thay đổi mới hoặc có yêu cầu khác.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: chị K và anh Đ đều xác nhận không có.

4. Về án phí: anh Nguyễn Quang Đ phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0017084 ngày 20 tháng 11 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Hà Nội; Anh Đ còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi cư trú đối với người vắng mặt./.

Nơi nhân:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 12 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 12 – Hà Nội;
- UBND xã nơi đã ĐKKH;
- Các đ-ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thiện

